**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CHỢ MỚI**
**TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HS - ST
Ngày: 26/4/2024.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI – TỈNH BẮC KẠN**
**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thị Vang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lành Thị Hải** và ông **Phạm Văn Ngọ**

Thư ký phiên toà: Bà **Lưu Thị Quỳnh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà **Đinh Thị Anh** – kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2024/TLST - HS, ngày 06 tháng 3 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST – HS, ngày 12 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo: **NGUYỄN VĂN T**, sinh ngày: 01/10/1991 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT: thôn C, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn L và con bà Lê Thị H; Có vợ là Ngô Thị H1 và có 01 (Một) con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

*** Người bị hại**: Anh **Đặng Văn S**, sinh năm 1975

Trú tại: thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**: Chị **Ngô Thị H1**, sinh năm 1994; Trú tại: thôn C, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người tham gia tố tụng khác:**

**- Những người làm chứng:**

1. Anh **Lường Đình G**, sinh năm 1992; Trú tại: thôn C, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2. Anh **Phạm Văn H2**, sinh năm 1987; Trú tại: thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

3. Anh **Đặng Văn D** – sinh năm 1994;

4. Anh **Lưu Anh T** – sinh năm 1983;

5. Chị **Lưu Thị O** – sinh năm 1981;

Đều trú tại: thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

(Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên toà không có lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 30/8/2023, Nguyễn Văn T1 cùng với Lường Đình A, Lường Đình G, cùng trú tại thôn C, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cùng nhau đến quán B thuộc thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để uống bia. Tại quán lúc này có nhiều khách đang ngồi uống bia, trong đó có Phạm Văn H2, Đặng Văn S - cùng trú tại thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, Lưu A1 T và Đặng Văn D cùng trú tại thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình uống bia tại quán, Nguyễn Văn T1 sang bàn của Phạm Văn H2 để mời bia. Đến khoảng 15 giờ 30 phút, khi đang nói chuyện thì Phạm Văn H2 dùng tay phải đánh 02 lần vào mặt của T1, T1 đi về bàn của mình ngồi. Khoảng 15 phút sau, H2 cầm bia sang bàn của Nguyễn Văn T1 và H2 tiếp tục dùng tay phải tát 02 lần vào mặt của T1. Lúc này, có anh Đặng Văn S vào để can ngăn không cho H2 đánh T1. T1 bực tức nên đã dùng tay phải cầm dao bằng kim loại, dài khoảng 07 cm, rộng khoảng 02cm, đầu nhọn đâm về phía Huynh 02 nhát thì 01 nhát trúng vào tay trái của Phạm Văn H2 và 01 nhát trúng vào tay trái của Đặng Văn S. Lúc này, Lưu A1 T vào can ngăn đã dùng tay đấm 01 nhát trúng vào vùng mặt của T1. Hậu quả, T1 bị thương tích ở vùng mặt, Phạm Văn H2 bị thương ở vùng tay trái, anh Đặng Văn S bị thương ở vùng tay trái phải đi điều trị tại Bệnh viện Đ.

* Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 154/KLTTCT-TTPY&GĐYK ngày 04/10/2023 của Trung tâm P, Sở Y tế tỉnh B kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Đứt gân duỗi ngón II bàn tay trái đã phẫu thuật khâu nối gân, tại thời điểm giám định cứng khớp liên đốt bàn ngón II ảnh hưởng động tác duỗi ngón II, theo Chương 7 mục VI khoản 5 điểm 5.2, 5.2.1, tỷ lệ % TTCT: 7 - 9%, lấy 8%.

- Đứt gân duỗi ngón III bàn tay trái đã phẫu thuật khâu nối gân, tại thời điểm giám định cứng khớp liên đốt bàn ngón III ảnh hưởng động tác duỗi ngón III, theo Chương 7 - Mục VI - Khoản 5 - Điểm 5.3, 5.3.1, tỷ lệ % TTCT: 5 - 6%, lấy 5%.

- Đứt gân duỗi ngón IV bàn tay trái đã phẫu thuật khâu nối gân, tại thời điểm giám định cứng khớp liên đốt bàn ngón IV ảnh hưởng động tác duỗi ngón IV, theo Chương 7 - Mục VI - Khoản 5 - Điểm 5.4, 5.4.1, tỷ lệ % TTCT: 4 - 5%, lấy 4%.

- Sẹo vết thương, sẹo mổ mặt mu bàn tay trái, kích thước: 7cm x 0,2cm, theo Chương 8 - Mục I - Khoản 2, tỷ lệ TTCT là 2%.

* Tổn thương đứt dây cảm giác thần kinh quay, kết quả điện thần kinh cơ bình thường, nên không có tỷ lệ % TTCT.

2. Kết luận:

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đặng Văn S tại thời điểm giám định là: 17,77%, làm tròn số 18% (mười tám phần trăm). Theo phương pháp cộng lùi tại Thông tư. Cơ chế hình thành vết thương: Vật gây thương tích là vật sắc.

* Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 155/KLTTCT-TTPY&GĐYK ngày 25/9/2023 của Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa Sở Y tế tỉnh B kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo vết thương phần mềm ở môi trên vị trí rãnh nhân trung, kích thước: 1cm x 0,2cm, theo Chương 8 - Mục I - Khoản 1, tỷ lệ % TTCT là: 3%.

- Sẹo vết thương niêm mạc môi trên, kích thước: 2cm x 0,2cm, theo Chương 8 - Mục I - Khoản 1, tỷ lệ % TTCT là: 1%.

2. Kết luận:

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn T1 tại thời điểm giám định là: 3,97%, làm tròn số: 4% (bốn phần trăm).

Cơ chế hình thành vết thương: không xác định được cơ chế hình thành thương tích trên cơ thể Nguyễn Văn T1.

* Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 156/KLTTCT-TTPY&GĐYK ngày 25/9/2023 của Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa Sở Y tế tỉnh B kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo vết thương ở mặt ngoài, 1/3 dưới cánh tay trái, kích thước 3cm x 0,2cm, theo Chương 8 Mục I Khoản 1, tỷ lệ % TTCT là: 1%.

- Sẹo vết thương ở mặt ngoài vùng khuỷu tay trái, kích thước: 2cm x 0,2cm, theo Chương 8 Mục I Khoản 1, tỷ lệ % TTCT là: 1%.

- Sẹo vết thương ở mặt ngoài, 1/3 trên cẳng tay trái, kích thước 9cm x 0,2cm, theo Chương 8 Mục I Khoản 2, tỷ lệ % TTCT là: 2%.

- Sẹo vết thương ở mặt ngoài, 1/3 dưới cẳng tay trái, kích thước 3,5cm x 0,2cm, theo Chương 8 Mục I Khoản 1, tỷ lệ % TTCT là: 1%.

2. Kết luận:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Văn H2 tại thời điểm giám định là 4,91%, làm tròn số: 5% (năm phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương: vật gây thương tích là vật có cạnh sắc.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T1 thành khẩn khai nhận, T1 khai: do bực tức vì bị Phạm Văn H2 đánh vào mặt mình nên T1 lấy dao ở chùm chìa khóa trong túi quần ra, cầm dao bằng tay phải đâm 02 nhát theo hướng từ trên xuống dưới thì 01 nhát trúng H2 và 01 nhát trúng vào anh S, gây thương tích cho cả H2 và S. Bản thân T1 bị thương ở vùng miệng phải điều trị tại Trung tâm Y tế huyện C, T1 không xác định được thương tích này là do Phạm Văn H2 hay anh Lưu A1 T đánh gây ra. Sau khi sự việc xảy ra T1 bỏ chạy đã đánh mất dao cùng chìa khóa xe.

Tại Cơ quan điều tra, anh Đặng Văn S khai: khi đang uống bia thì T1 và anh Phạm Văn H2 xảy ra mâu thuẫn, H2 dùng tay tát vào mặt T1, thấy vậy anh S đứng dậy can ngăn không cho T1 và H2 đánh nhau. T1 lấy 01 con dao nhỏ cầm trên tay và đâm anh H2, bản thân anh S đang căn ngăn nên bị T1 đâm trúng mu bàn tay trái dẫn đến phải đi điều trị tại Bệnh viện.

Tại bản cáo trạng số: 09/CT - VKSCM, ngày 04 tháng 3 năm 2024 viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Nguyễn Văn T1 về tội: "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ, khoản 2, Điều 134/BLHS.

*** Điều luật có nội dung như sau:**

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng … hung khí nguy hiểm…

…..

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:……

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này".

* Tại phiên toà:

1. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T1. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 134; các điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65/BLHS: xử phạt bị cáo T1 từ 24 (Hai mươi tư) tháng đến 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ

48 (Bốn mươi tám) tháng đến 60 (Sáu mươi) tháng. Giao bị cáo T1 cho UBND xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX không xem xét.

2. Bị cáo T1 thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi cố ý gây thương tích cho anh Đặng Văn S. Bị cáo khai nhận: do bực tức khi bị Phạm Văn H2 đánh, không làm chủ được bản thân nên bị cáo đã có hành vi dùng dao gây thương tích cho Phạm Văn H2 và Đặng Văn S, khi sử dụng hung khí gây thương tích cho Đặng Văn S thì bị cáo không nhằm vào vị trí cụ thể nào trên cơ thể của Đặng Văn S, khi giơ dao lên đâm thì bị cáo thấy có cả Phạm Văn H2 và Đặng Văn S ở ngay trước mặt bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định.

[2] Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 30/8/2023, tại quán B thuộc thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, giữa Nguyễn Văn T1 và Phạm Văn H2 xảy ra xích mích; do bực tức vì trong lúc nói chuyện khi uống bia Phạm Văn H2 dùng tay đấm vào mặt mình, nên giữa Nguyễn Văn T1 và Phạm Văn H2 đã xảy ra xô xát đánh nhau, anh Đặng Văn S có mặt đã vào can ngăn. Nguyễn Văn T1 đã có hành vi: dùng 01 (Một) con dao dài khoảng 07 cm, rộng khoảng 02cm, đầu nhọn đâm trúng vào vùng cánh tay trái của Phạm Văn H2 và vùng bàn tay trái của Đặng Văn S. Hậu quả:

- Đặng Văn S bị tổn thương cơ thể, với các vết thương như sau: Đứt gân duỗi ngón II bàn tay trái đã phẫu thuật khâu nối gân; Đứt gân duỗi ngón III bàn tay trái đã phẫu thuật khâu nối gân; Đứt gân duỗi ngón IV bàn tay trái đã phẫu thuật khâu nối gân; Sẹo vết thương, sẹo mổ mặt mu bàn tay trái kích thước: 7cm x 0,2cm; Tổn thương đứt dây cảm giác thần kinh quay. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đặng Văn S là: 18% (mười tám phần trăm).

- Phạm Văn H2 bị tổn thương cơ thể, với các vết thương như sau: Sẹo vết thương ở mặt ngoài, 1/3 dưới cánh tay trái, kích thước 3cm x 0,2cm; Sẹo vết thương ở mặt ngoài vùng khuỷu tay trái, kích thước: 2cm x 0,2cm; Sẹo vết thương ở mặt ngoài, 1/3 trên cẳng tay trái, kích thước 9cm x 0,2cm; Sẹo vết thương ở mặt ngoài, 1/3 dưới cẳng tay trái, kích thước 3,5cm x 0,2cm. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Văn H2 là: 5% (năm phần trăm).

Con dao mà Nguyễn Văn T1 sử dụng gây thương tích cho Phạm Văn H2 và Đặng Văn S là hung khí nguy hiểm.

Phạm Văn H2 không yêu cầu khởi tố vụ án, có đơn đề nghị không xem xét trách nhiệm hình sự của T1 đối với hành vi đánh gây thương tích cho H2.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với kết quả về vết thương của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội: "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ, khoản 2, điều 134/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khoẻ của người khác, gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy:

Bị cáo T1 có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện thống nhất, tác động gia đình cùng bồi thường thiệt hại cho người bị hại Đặng Văn S tổng số tiền: 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "tự nguyện bồi thường thiệt hại"; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin cho bị cáo được cải tạo tại địa phương; bị cáo có bố đẻ là Nguyễn Văn L được Sở Giáo Dục và đào tạo tỉnh B chứng nhận đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở", có bác ruột là Nguyễn Đức N được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương và bác ruột là Nguyễn Minh N1 được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương - theo quy định tại các điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng. Hơn nữa, đánh giá tổng thể vụ án thấy cũng có một phần nguyên nhân từ anh Phạm Văn H2 đã có hành vi không đúng mực (đánh, tát) đối với bị cáo T1, dẫn đến T1 bực tức, mới xảy ra xô xát. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và không cần phải bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, áp dụng điều 65/BLHS cho bị cáo T1 được hưởng án treo là đảm bảo sự công bằng và khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo có cơ hội được sửa chữa mà vẫn đảm bảo răn đe, giáo dục, phòng ngừa.

[6] Trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T1 và vợ là Ngô Thị H1 đã tự nguyện dùng tiền (là tài sản chung của 02 vợ chồng) để bồi thường cho người bị hại Đặng Văn S với số tiền là: 40.000.000 đồng. Sau khi nhật tiền, anh S không yêu cầu gì thêm. Anh S vắng mặt tại phiên toà, nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt, anh S giữ nguyên quan điểm không yêu cầu bị cáo T1 bồi thường gì thêm, nên HĐXX không xem xét.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngô Thị H1 xác định khoản tiền 40.000.000 đồng bồi thường cho người bị hại là tiền chung của 02 vợ chồng và cả 02 vợ chồng cùng tự nguyện thống nhất bồi thường cho anh S, chị H1 không yêu cầu Nguyễn Văn T1 phải trả khoản tiền này cho chị H1. Chị H1 vắng mặt tại phiên toà, nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt, chị H1 giữ nguyên quan điểm không yêu cầu bị cáo T1 trả tiền, nên HĐXX không xem xét.

[7] Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ của chị Lưu Thị O 01 thẻ lưu trữ dữ liệu màu đen, một mặt có chữ IMOU, Micro F, SDXC I V30. Ngày 02/02/2024, Cơ quan điều tra đã ban hành quyết định xử lý vật chứng trả lại đồ vật này cho chị O, việc trả lại đồ vật trên là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về quan điểm truy tố và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Trong vụ án này, ngoài gây thương tích cho anh Đặng Văn S, Nguyễn Văn T1 còn dùng dao gây thương tích cho anh Phạm Văn H2 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 5%. Tuy nhiên, anh H2 đã có đơn đề nghị không xem xét trách nhiệm hình sự của T1 đối với hành vi đánh gây thương tích cho H2 nên cơ quan chức năng không xem xét là đúng quy định.

[10] Đối với Phạm Văn H2 và Lưu A1 T đã có hành vi dùng tay đánh, tát Nguyễn Văn T1 gây tổn thương cơ thể cho Nguyễn Văn T1 với tỷ lệ là 4% (Bốn phần trăm) – không đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích". Tuy nhiên hành vi của Phạm Văn H2 và Lưu Anh T đã xâm phạm đến sức khoẻ của người khác, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã có văn bản đề nghị  Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Văn H2 và Lưu A1 Thế là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 2, Điều 136/BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn T1 phạm tội: "Cố ý gây thương tích".

[2] Căn cứ vào điểm đ, khoản 2, Điều 134; các điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65/BLHS.

Xử phạt: Nguyễn Văn T1: 24 (Hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Nguyễn Văn T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 92 và Điều 68 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người

được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[3] Án phí: Căn cứ khoản 2, Điều 136/BLTTHS và Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo T1 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

[4] Quyền kháng cáo: bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại Đặng Văn S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngô Thị H1 – vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Triệu Thị Vang**

Nơi nhận:
- VKSTBK:1
- VKSCM: 3
- CACM: 2
- Bị cáo: 1
- NBH: 1
- NCQLNVLQ: 1
- STPTBK: 1
- TA tỉnh: 1
- T.H.A: 2
- Lưu hồ sơ: 1
- Lưu VP: 1.